

Số: 09/2022/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2022

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế,
phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc
ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025**

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu



quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 90/QĐ-TTg), gồm:

1. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2).
2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Tiểu dự án 2 Dự án 4).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi cả nước; người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.
2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
3. Tổ chức và cá nhân liên quan.

Chương II

ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

Điều 3. Đối tượng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại điểm b mục 2 Phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg.

Điều 4. Phương thức, nguyên tắc hỗ trợ

1. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thực hiện theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

- a) Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án.
- b) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- c) Phù hợp với lợi thế so sánh, thế mạnh của từng vùng, miền; phù hợp với nhu cầu thị trường và bảo đảm tính hiệu quả bền vững.
- d) Phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).
- đ) Ưu tiên hỗ trợ tham gia dự án mô hình giảm nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo và hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, phụ nữ

thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện dự án mô hình giảm nghèo.

e) Ưu tiên hỗ trợ dự án mô hình giảm nghèo thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

g) Bảo vệ môi trường.

h) Thời gian thực hiện mỗi dự án tối đa 3 năm.

Điều 5. Nội dung hỗ trợ

1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

2. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

4. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

5. Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

6. Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

7. Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

8. Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

9. Xây dựng, quản lý dự án.

Điều 6. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Điều kiện hỗ trợ dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

2. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án

a) Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.



Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan chủ quản chương trình.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến cơ quan chủ quản chương trình xem xét, thẩm định.

Cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách); nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; đối tượng tham gia; chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

d) Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ quản chương trình quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan chủ quản chương trình phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 9 Điều 5 Thông tư này.

4. Tổ chức thực hiện dự án

a) Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện dự án:

Thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) và các đối tượng khác có liên quan được tham gia dự án.

Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết dự án với cơ quan chủ quản chương trình theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị cơ quan chủ quản chương trình các nội dung vướng mắc liên quan.

b) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 7. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Điều kiện hỗ trợ dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án

a) Bước 1: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.



Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: Biên bản họp dân; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

c) Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

d) Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.



3. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7, 8 và 9 Điều 5 Thông tư này.

4. Tổ chức thực hiện dự án

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án.

b) Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

d) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 8. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Điều kiện hỗ trợ dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Xây dựng, phê duyệt dự án

a) Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; trình Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

b) Cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ.

3. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Tổ chức thực hiện dự án

a) Cơ quan, đơn vị nhận đặt hàng hoặc được giao nhiệm vụ phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện dự án:



Thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) và các đối tượng khác có liên quan được tham gia dự án.

Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, tiến độ và hiệu quả.

Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết với cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, kịp thời kiến nghị cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo về các nội dung vướng mắc liên quan.

b) Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 9. Xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù

1. Điều kiện hỗ trợ dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Xây dựng, phê duyệt dự án

Các bộ, cơ quan trung ương được giao kinh phí thực hiện hoạt động mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo tổ chức khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt dự án và gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp theo dõi thực hiện.

Cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện dự án.

3. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Tổ chức thực hiện dự án

a) Cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện:

Thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) và các đối tượng khác có liên quan được tham gia dự án.

Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, tiến độ và hiệu quả.

Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết với cơ quan chủ quản chương trình theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, kịp thời kiến nghị cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo về các nội dung vướng mắc liên quan.

b) Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí thực hiện dự án, mô hình phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư chương trình. Bộ, cơ quan trung ương tổ chức thực hiện dự án, mô hình và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu dự án, mô hình theo mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Chương III

HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Điều 10. Đối tượng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại điểm b mục 4 Phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg.

Điều 11. Phương thức hỗ trợ

1. Đối với hoạt động hỗ trợ người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo đi làm việc ở nước ngoài: Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp khi tuyển chọn lao động tại các các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa phương thực hiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thông qua cơ chế đấu thầu, đặt hàng với các cơ sở đào tạo nghề, ngoại ngữ, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trường hợp người lao động đăng ký đi làm việc ở nước ngoài thông qua doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề, đủ điều kiện xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho người lao động. Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có trách nhiệm hỗ trợ người lao động cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ để nhận hỗ trợ.

2. Giới thiệu, tư vấn về đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động và thân nhân người lao động, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

3. Đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

Điều 12. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, nội dung quy định tại điểm b mục 4 Phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg, phù hợp với nhu cầu của người lao động.

2. Bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, dân chủ, bình đẳng giới.

Điều 13. Nội dung hỗ trợ

1. Người lao động thuộc hộ nghèo, người lao động là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC).

2. Người lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Hỗ trợ tiền đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề và hỗ trợ các chi phí khác theo khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

3. Người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Hỗ trợ tiền đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề.

4. Người lao động và thân nhân của người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Hỗ trợ giới thiệu, tư vấn để tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận: Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổ chức thực hiện Thông tư:



- a) Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện.
- b) Kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện.
- c) Sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện.

2. Bộ, ngành có liên quan phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

b) Kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện.

c) Sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm kết quả thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo báo cáo theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn.

Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo báo cáo theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn.

Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã

Triển khai thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn.

Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân cấp huyện.



Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2022.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *Me*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, tp trực thuộc trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- VPCP: Vụ KGVX, Công báo; TGD Công TTĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ LĐTBXH: các đơn vị liên quan, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, VPQGGN (10 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Văn Thanh



Phụ lục

**ĐỀ CƯƠNG XÂY DỰNG DỰ ÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ
THỰC HIỆN DỰ ÁN GIẢM NGHÈO**

*Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Mẫu số 01	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 03	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ
Mẫu số 04	Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù
Mẫu số 05	Đề cương báo cáo kết quả thực hiện dự án giảm nghèo
Mẫu số 06	Đề cương báo cáo tổng hợp về các dự án giảm nghèo

Mẫu số 01. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

TÊN DỰ ÁN

1. Tên đơn vị đề xuất dự án (gồm: tên, địa chỉ, người đại diện, số CCCD hoặc CMND, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):.....

3. Đối tượng tham gia:

4. Thời gian triển khai:.....

5. Địa bàn thực hiện:.....

6. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách):.....

7. Nội dung:.....

8. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:.....

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết:.....

10. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

11. Tổ chức thực hiện dự án:.....

12. Các nội dung liên quan khác.....

(Có kèm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án).

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Mẫu số 02. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

TÊN DỰ ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):.....
3. Đối tượng tham gia:
4. Thời gian triển khai:.....
5. Địa bàn thực hiện:.....
6. Các hoạt động của dự án:.....
7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):.....
8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):.....
9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:.....
10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):.....
11. Tổ chức thực hiện dự án:.....
12. Các nội dung liên quan khác.....

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng..... năm

TÊN DỰ ÁN

1. Tên cơ quan, đơn vị đề xuất dự án:.....
2. Loại mô hình:.....
3. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến kết quả đầu ra và số hộ thoát nghèo):.....
4. Đối tượng tham gia:
5. Thời gian triển khai:.....
6. Địa bàn thực hiện:.....
7. Nội dung:.....
8. Kinh phí thực hiện:.....
9. Kế hoạch triển khai:.....
10. Tổ chức thực hiện:.....
11. Các nội dung liên quan khác.....

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04. Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng..... năm

TÊN DỰ ÁN

1. Tên cơ quan, đơn vị đề xuất dự án:.....
2. Loại mô hình:.....
3. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến kết quả đầu ra và số hộ thoát nghèo):.....
4. Đối tượng tham gia:
5. Thời gian triển khai:.....
6. Địa bàn thực hiện:.....
7. Nội dung:.....
8. Kinh phí thực hiện:.....
9. Kế hoạch triển khai:.....
10. Tổ chức thực hiện:.....
11. Các nội dung liên quan khác.....

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05. Đề cương báo cáo kết quả thực hiện dự án giảm nghèo

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

1. Tình hình chung:

- Công tác chỉ đạo, điều hành:
- Thuận lợi:
- Khó khăn:

2. Kết quả thực hiện:

- Về thực hiện mục tiêu, nội dung của dự án giảm nghèo (kết quả đạt được; tồn tại hạn chế; nguyên nhân; đề xuất kiến nghị):
- Về kết quả đầu ra của dự án giảm nghèo:
- Về hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án giảm nghèo:
- Về kinh phí:

TT	Nội dung	Kinh phí được phê duyệt (triệu đồng)	Kết quả thực hiện							
			Đơn vị tính	Khối lượng đã thực hiện	Tổng kinh phí đã thực hiện (triệu đồng)	Trong đó			Kết quả đầu ra của dự án giảm nghèo	Đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch được phê duyệt
						Kinh phí hỗ trợ	Người dân đóng góp	Vay vốn ngân hàng		
I	Dự án 1....									
1	Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường									



2	Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ									
3	Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi									
4	Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ									
5	Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm									
6	Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm									
7	Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả									

8	Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao									
9	Xây dựng, quản lý dự án giảm nghèo									
II	Dự án 2:									
										
III	Dự án 3.....									
										

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HOẶC ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06. Đề cương báo cáo tổng hợp về các dự án giảm nghèo

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

1. Tình hình chung:

- Công tác chỉ đạo, điều hành:.....

- Thuận lợi:.....

- Khó khăn:.....

2. Kết quả thực hiện:

- Về thực hiện mục tiêu, nội dung của các dự án giảm nghèo (kết quả đạt được; tồn tại hạn chế; nguyên nhân; đề xuất kiến nghị).....

- Về kết quả đầu ra của các dự án giảm nghèo:

- Về hiệu quả kinh tế, xã hội của các dự án giảm nghèo:

3. Tổng hợp:

TT	Nội dung	Tổng số dự án giảm nghèo	Số hộ tham gia			Tổng kinh phí cho các dự án giảm nghèo (triệu đồng)	Tổng kinh phí đã thực hiện (triệu đồng)	Trong đó				Tổng giá trị vật tư đã thực hiện hỗ trợ (triệu đồng)	Kết quả đầu ra của dự án giảm nghèo	Đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch được phê duyệt
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo			Ngân sách hỗ trợ		Người dân đóng góp	Vay vốn ngân hàng			
								NS TW	NS DP					
1	Dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị													
2	Dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng													



3	Dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ													
4	Dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù													
	Tổng cộng													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)